

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
Điều 1: Sửa khoản 1- Bổ sung và sửa đổi một số thuật ngữ có sử dụng trong Điều lệ		
a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;	a. "Vốn Điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;	Sửa đổi theo khoản 1, Điều 111 Luật DN 2014
	b. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Âu lạc, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	
	c. "Cổ đông" có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;	Theo Khoản 2 Điều 4 Luật DN 2014
	d. "Đại hội đồng Cổ đông" có nghĩa là Đại hội đồng Cổ đông hoặc tất cả các Cổ đông cùng với nhau (theo yêu cầu của ngữ cảnh), là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông theo quy định tại Điều 13;	
	e. "Hội đồng Quản trị" có nghĩa là hội đồng quản trị của Công ty được quy định tại Mục VII;	
	f. "Ban Kiểm soát" có nghĩa là ban kiểm soát của Công ty bao gồm các thành viên được Đại hội đồng cổ động chỉ định vì mục đích kiểm soát tất cả các hoạt động kinh doanh và quản lý của Công ty theo quy định tại Điều 34;	
	g. "Tổng Giám đốc điều hành" có nghĩa là tổng giám đốc điều hành của Công ty được quy định tại Điều 31;	
	h. "Chủ tịch" có nghĩa là chủ tịch Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 27;	
	i. "Phó Chủ tịch" có nghĩa là phó chủ tịch Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 27;	
b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005;	j. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Sửa đổi số Luật DN 2014
	k. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006	
c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy đăng ký kinh doanh) lần đầu;	l. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002;	
	m. "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp" là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302704796 do Sở Kế Hoạch và	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
Đầu Tư TPHCM cấp và được sửa đổi vào từng thời điểm;		
Điều 1: Sửa khoản 3		
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.	3. Các tiêu đề (chương, điều, khoản, điểm của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.	Bổ sung cụm từ “ khoản, điểm” để chuẩn hóa việc trích dẫn
Điều 2: Sửa khoản 1 (sửa tên viết tắt) và khoản 3 (thay đổi địa trụ sở)		
1. Tên Công ty • Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC • Tên tiếng Anh : AULAC CORPORATION • Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC • Tên viết tắt : ASC	Tên Công ty: - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC - Tên tiếng Anh: AULAC CORPORATION Tên giao dịch: ALC	Sửa đổi Tên giao dịch
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: • Địa chỉ : 92Bis Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh • Điện thoại : (+84-8) 38200441 / 38200443 • Fax : (+84-8) 38200440 • [E-mail] : aulac-asc@aulac.com.vn • Website : http://www.aulac.com.vn	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: • Địa chỉ : 159 Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh • Điện thoại : (+84-8) 62589922 • Fax : (+84-8) 62589933 • E-mail : aulac-asc@aulac.com.vn • Website : http://www.aulac.com.vn hoặc địa chỉ thay đổi theo từng thời điểm do Hội đồng Quản trị quyết định	Cập nhật địa chỉ trụ sở mới của Công ty.
Điều 2: Sửa khoản 4		
4. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty	4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.	<i>Sửa đổi, bổ sung</i> Phù hợp <i>khoản 2 điều 13 Luật DN 2014</i>
Điều 2: Sửa Khoản 6		
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 48 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 49 của Điều lệ này hoặc theo quy định của pháp luật , thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.	Sửa số điều tham chiếu và bổ sung cụm từ “hoặc theo quy định của Pháp luật.
Điều 3: Sửa Khoản 1		
1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: a. Dịch vụ hàng hải; b. Kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa; c. Kinh doanh vận tải biển; d. Mua bán các mặt hàng trang trí nội thất, công nghệ phẩm, kim khí điện máy, nông lâm sản, lương thực thực phẩm, máy móc phục vụ các ngành công – nông – lâm – ngư nghiệp, xe ô	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn: a. Vận tải nhiên liệu ven biển và viễn dương; b. Kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa; c. Dịch vụ hàng hải - Kinh doanh vận tải biển; d. Dịch vụ đại lý tàu biển; e. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; f. Môi giới thuê tàu biển;	Bổ sung cụm từ “ bao gồm nhưng không giới hạn”

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
<p>tô, xe gắn máy và phụ tùng, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), xăng dầu, nhớt; e. Đại lý ký gửi hàng hóa.</p>	<p>g. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; h. Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hóa liên quan đến vận tải; i. Mua bán các mặt hàng trang trí nội thất, công nghệ phẩm, kim khí điện máy; j. Mua bán nông lâm sản, lương thực; k. Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; l. Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh) m. Đại lý ký gửi hàng hóa; n. Mua bán thực phẩm; o. Mua bán máy móc phục vụ các ngành công – nông – lâm – ngư nghiệp; p. Mua bán xe ô tô và phụ tùng; q. Mua bán vật liệu xây dựng; r. Mua bán xăng dầu, nhớt;</p>	
Điều 4: Sửa khoản 2		
<p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1 Điều 7 Luật DN 2014</p>
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập		
<p>Vốn điều lệ của Công ty là 312.179.820.000 VNĐ (Ba trăm mười hai tỷ một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng); Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 31.217.982 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ.</p>	<p>Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần.</p>	<p>Bỏ cụm từ “Cổ đông sáng lập”</p>
<p>Vốn điều lệ của Công ty là 312.179.820.000 VNĐ (Ba trăm mười hai tỷ một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng); Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 31.217.982 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ.</p> <p>2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật;</p>	<p>1. Vốn Điều lệ của Công ty là 326.779.820.000 VNĐ (Ba trăm hai mươi sáu tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng); Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 32.677.982 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ một cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi Vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật;</p>	<p>Cập nhật Vốn điều lệ của Công ty.</p> <p>Thay từ “tăng” bằng cụm từ “thay đổi”</p>
Điều 6: Sửa khoản 3, khoản 4		
<p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì;</p>	<p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu;</p>	<p>Thay cụm từ “hoặc có thể lâu hơn” bằng cụm từ “hoặc thời hạn khác”. Bỏ cụm từ “hoặc bất kỳ một khoản phí gì”</p>
<p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa</p>	<p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị</p>	<p>Bỏ cụm từ “ghi danh”</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	
Điều 8: Sửa khoản 2		
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền cổ tức , quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức , quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	Thay cụm từ “quyền cổ tức” bằng cụm từ “quyền nhận cổ tức” và thay cụm từ “cổ phần” bằng cụm từ “cổ phiếu”
Điều 9: Sửa khoản 4, khoản 5		
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán . Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp;	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán . Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp;	Thay cụm từ “cổ phần được quyền chào bán” bằng cụm từ “cổ phần chưa bán” để phù hợp với Khoản 4 Điều 111 Luật DN 2014
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó ;	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi;	Bỏ cụm từ “hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó”
Điều 11 : Sửa điểm a và điểm f – khoản 2 -		
a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa theo quy chế do Hội đồng Quản trị ban thành theo từng thời điểm ;	Bổ sung cụm từ “theo quy chế do Hội đồng Quản trị ban thành theo từng thời điểm”; để phù hợp với <i>Điểm a, khoản 1 điều 114 Luật DN 2014</i> ;
f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;	Thay cụm từ “sổ biên bản” bằng cụm từ “biên bản” phù hợp với <i>Điểm e, khoản 1 điều 114 Luật</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
		DN 2014
Điều 11: Sửa khoản 3		
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông năm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông năm giữ trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	Thay cụm từ “năm giữ từ” bằng cụm từ “năm giữ trên” để phù hợp với Luật DN 2014.
a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này;	a. Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 33 tương ứng;	Sửa số điều tham chiếu
b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 79 và 97 Luật Doanh Nghiệp;	b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 114 và 136 Luật Doanh Nghiệp;	Thay đổi số điều theo Luật DN 2014
Điều 13: Sửa điểm e Khoản 3		
e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Thay đổi số điều theo Luật DN 2014
Điều 13 : Sửa điểm b và điểm c khoản 4		
b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;	b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;	Thay đổi số điều theo Luật DN 2014
c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi	Thay đổi số điều theo Luật DN 2014

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	phí ăn ở và đi lại.	
Điều 14: Sửa Khoản 1		
1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:	1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:	
a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;	a. Báo cáo tài chính hàng năm;	
b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;	b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;	
c. Báo cáo của Ban kiểm soát;	c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành;	Sửa đổi theo Khoản 2, Điều 136, LDN 2014
d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;	
	e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát; f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.	
Điều 14: Sửa khoản 2		
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	Thay từ “và” bằng “hoặc”
Điều 14: Sửa điểm 1 và điểm o khoản 2		
1. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất được kiểm toán;	1. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	Sửa đổi theo Điểm d điều 135 Luật DN 2014
o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	Thay số điều theo Luật DN 2014
Điều 15: Sửa điểm c khoản 2 và khoản 3		
c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.	c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.	Bổ sung cụm từ “giấy ủy quyền” cho rõ nghĩa.
	Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền hợp pháp trước khi vào phòng họp.	Bổ sung cụm từ “hợp pháp” cho rõ nghĩa
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ	3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định	Bổ sung cụm từ “hợp

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền hợp pháp cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	pháp” cho rõ nghĩa
Điều 16: Sửa khoản 2		
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này;	2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 21 Điều lệ này;	Sửa số Điều tham chiếu
Điều 17: Sửa khoản 1, khoản 2 và khoản 3		
1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này;	1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, hoặc Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này;	Thay từ “và” bằng từ “hoặc”
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:	2. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:	
a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi giấy mời hoặc trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông, tùy thuộc vào thời hạn nào dài hơn , chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	Sửa đổi theo khoản 1 điều 137 Luật DN 2014
b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;	b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ;	
c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.	c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.	
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ	3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có	Sửa đổi theo Điều 139 Luật Doanh nghiệp:

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận;	thể tiếp cận;	
Điều 17: Sửa điểm b khoản 5		
b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ .
Điều 17: Sửa khoản 6 và khoản 7		
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp;	6. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp;	Sửa đổi theo Khoản 7 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
7. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	7. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng Cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đều được coi là hợp pháp và có hiệu lực kể cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
Điều 18: Sửa khoản 1, khoản 2 và khoản 3		
1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết;	1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết;	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp, dù là trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;	Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 141 Luật DN 2014
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn	Bổ sung cụm từ “cuộc họp” cho rõ nghĩa.

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập lần thứ nhất.	
Điều 19: Sửa khoản 4 và khoản 7		
<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	Sửa đổi theo Điểm a Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
<p>7. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự;</p>	<p>7. Chủ tọa của đại hội hoặc thư ký đại hội được chỉ định bởi Chủ tọa có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự;</p>	Sửa đổi theo điểm c khoản 2 và khoản 4 điều 142 Luật Doanh nghiệp.
Điều 19: Sửa khoản 10 và khoản 11		
<p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p>	<p>10. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p>	Bổ sung cụm từ “cuộc họp” cho rõ nghĩa
<p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	Bổ sung cụm từ “cuộc họp” cho rõ nghĩa
Bổ sung Điều 20		
	<p>Điều 20: Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 11 Điều 19, Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 11 Điều 19, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ</p>	Bổ sung theo Điều 143 Luật DN 2014

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
	<p>đông hoặc thông qua bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>h. Và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	
Sửa nội dung khoản 1 Điều 20 và “chuyển” thành Điều 21		
Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	
<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 21 này, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành, dù là trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.</p>	<p>Sửa số điều tham chiếu</p> <p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 144 Luật DN 2014</p> <p>Nội dung đề nghị bỏ đã được liệt tại Khoản 1,2 Điều 14, Điều lệ Công ty</p>
Điều 20: Sửa khoản 2		
<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) trở lên tổng số phiếu bầu các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75%</p>	<p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông liên quan đến (a) loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại; (b) thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; (c)-thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; (d) tổ chức lại, giải thể Công ty; (e) dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành, dù là có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 144 Luật DN 2014.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).		
Điều 21: Sửa khoản 1, khoản 2		
1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 11 Điều 19 , Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 145 Luật DN 2014 và Khoản 11 Điều 19 của Điều lệ.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ đông . Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;	2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ đông có quyền biểu quyết . Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu nói trên cho các Cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;	Sửa đổi theo Khoản 2 điều 145 LDN 2014.
Điều 21: Sửa điểm c khoản 3		
c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;	c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;	Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 145 Luật DN 2014.
Điều 21: Sửa khoản 4		
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng cách gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	Sửa đổi theo Khoản 4 Điều 145 Luật DN 2014.

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
Điều 21: Sửa các điểm a, b e, f khoản 5		
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;	Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 145 Luật DN 2014.
b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;	b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;	
e. Các quyết định đã được thông qua;	e. Các vấn đề đã được thông qua;	
f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	
Điều 21: Sửa khoản 8		
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	Sửa đổi theo Khoản 4, Điều 144 Luật DN 2014.
Điều 22		
Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23: Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	Bổ sung cụm từ “cuộc họp” cho rõ nghĩa
Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
Điều 23		
<p>Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Thay đổi theo Điều 147 Luật DN 2014.</p>
<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p>	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 17 của Điều lệ này;</p>	
<p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	
Điều 24: Sửa khoản 1		
<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/ độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống;</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 30 Thông tư 121/2012/TT-BTC</p>
Điều 24: Sửa Khoản 3		
<p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế</p>	<p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>	<p>Bổ sung cụm từ “của Công ty” cho rõ nghĩa</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử;	của Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử;	
Điều 25: Sửa khoản 1 và điểm a, k khoản 3		
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông;	1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông;	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 149 Luật DN 2014
Điều 25: Sửa điểm a, điểm k khoản 3		
a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;	a. Quyết định chiến lược , kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;	Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.
k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;	k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh ;	
Điều 25: Sửa điểm c, f, g và h khoản 4		
c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);	c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm nhưng không giới hạn đến các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);	Thay đổi số Điều theo Luật DN 2014
f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;		Sửa đổi theo Khoản 2, Điều 149, Luật DN 2014
g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài, trừ trường hợp được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này ;	Bổ sung số Điều tham chiếu
h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;	h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ, trừ trường hợp được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này ;	
Điều 26: Sửa khoản 2		
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng	2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, giám	Sửa đổi theo Điểm d, khoản 3, Điều 152 Luật

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
<p>quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán;</p>	<p>sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị bởi Cán bộ Quản lý, hủy bỏ các quyết định của Cán bộ Quản lý không phù hợp với các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 19, Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc trong trường hợp Chủ tịch mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp Chủ tịch không chỉ định hoặc không thể chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ một lý do nào, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán;</p>	<p>DN 2014</p>
Điều 27: Sửa khoản 2		
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần;</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần;</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 6, điều 153 Luật DN 2014</p>
Điều 27: Sửa Điểm c khoản 3		
<p>c. Ban kiểm soát.</p>	<p>c. Ban Kiểm soát hoặc ít nhất một (01) thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 4 Điều 153 Luật DN 2014.</p>
Điều 27: Sửa khoản 4		
<p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị;</p>	<p>4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị;</p>	<p>Sửa số Điều tham chiếu Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 153 Luật DN 2014.</p>
Điều 27: Sửa khoản 7		
<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước</p>	<p>7. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 6 Điều 153 và Khoản 7</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
<p>khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Điều 153 Luật Doanh nghiệp</p>
Điều 27: Sửa khoản 8		
<p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (Người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 8 Điều 153 Luật DN 2014</p>
Điều 27: Sửa các điểm a, b,c,d khoản 9		
<p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;</p>	<p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;</p>	<p>Sửa số Điều tham chiếu</p>
<p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền</p>	<p>b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó và/hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
biểu quyết; c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27 , khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;	c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 28 , khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;	Sửa số Điều tham chiếu
d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 36 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Sửa số điều tham chiếu
Điều 27: Sửa khoản 10, khoản 11		
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;	10. Thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Người có liên quan của thành viên đó trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người và/hoặc Người có liên quan của mình có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và/hoặc Người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình và/hoặc Người có liên quan của mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan;	Bổ sung để bao quát các tình huống có thể xảy ra trên thực tế.
11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định;	11. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định;	Sửa đổi theo Khoản 9 Điều 153 Luật DN 2014
Điều 27: Sửa điểm b khoản 12		
b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách	b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng	Sửa đổi theo Khoản 9

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
<p>đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	<p>thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “tham dự” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	<p>Điều 153 Luật DN 2014</p>
Điều 30: Sửa điểm a, b và bổ sung điểm I, j khoản 3		
<p>a. Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 157 Luật DN 2014</p>
<p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p>	<p>b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm nhưng không giới hạn đến việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p>	<p>Sửa đổi theo Điểm a Khoản 3 Điều 157 Luật DN 2014</p>
	<p>i. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 157 Luật DN 2014.</p>
Điều 31: Thư ký Công ty		
<p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p>	<p>Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm thư ký Công ty (sau đây gọi là “Thư ký Công ty”) với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p>	<p>Bổ sung để làm rõ nghĩa</p>
Điều 32: Sửa khoản 1		

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: ...</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là Người có liên quan với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: ...</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 163 Luật DN 2014 và Khoản 2 Điều 18 Thông tư 121/2012/TT-BTC.</p>
Điều 32: Sửa điểm a khoản 5		
<p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p>a. Thành viên đó không còn đủ điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, bao gồm cả trường hợp bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;</p>	<p>Bổ sung để bao quát các trường hợp thành viên Ban Kiểm soát không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ này</p>
Điều 33: Sửa khoản 1		
<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: ...</p>	<p>1. Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: ...</p>	<p>Sửa số Điều tham chiếu</p>
Điều 33: Sửa khoản 2,3		
<p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị;</p>	<p>2. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và Cán bộ Quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông, các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị;</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 166 Luật DN 2014</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người;	3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát;	Sửa đổi theo khoản 2 thông tư 121/2012/TT-BTC
Điều 37 : Sửa khoản 1, khoản 3		
1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách Cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của Giấy Ủy quyền này;	1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 33 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách Cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này;	Sửa đổi số Điều tham chiếu
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này;	3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp , các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này;	Bổ sung “ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” theo Khoản 12, Điều 4, Luật DN 2014
Điều 41: Năm tài chính		
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.	Sửa đổi để phù hợp với niên độ kế toán của Công ty
Điều 43: Sửa khoản 1		
1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng	Sửa số Điều tham chiếu

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	THUYẾT MINH
quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh;	khoản Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh;	
Điều 47: Sửa khoản 2		
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 6, Điều 2, Điều lệ Công ty
Điều 49: Sửa khoản 1		
1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty;	1. Tối thiểu sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (3) thành viên, trong đó hai (2) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty;	Bổ sung cụm từ “trong đó” cho rõ nghĩa
Điều 50: Sửa khoản 2		
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế;	2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi có thông báo tranh chấp, các bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) .	Sửa đổi theo đúng tên gọi của cơ quan tố tụng
Điều 52: Sửa khoản 1		
1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương 52 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Âu Lạc nhất trí thông qua tại phiên họp bất thường ngày 27 tháng 10 năm 2014 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này;	1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương 53 Điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ Phần Âu Lạc nhất trí thông qua tại phiên họp ngày 26 tháng 11 năm 2015 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này;	